

# **GIẢI KHUYẾN-HỌC KỲ XXVI-2014**

## **CHƯƠNG TRÌNH TỔNG QUÁT**

### **TIỂU HỌC 1**

#### **I-VĂN:**

##### **A-Tục ngữ, ca dao:**

Gồm 2 câu tục ngữ và 2 bài ca dao (mỗi bài ca dao chỉ có 2 câu). **Học thuộc và hiểu ý nghĩa.**

##### **B-Ngữ vựng:**

Học một số ngữ vựng thông thường, gần gũi hằng ngày, giới hạn trong các chủ đề dưới đây:

- 1- Gia đình (ông bà nội, ngoại).
- 2- Cơ thể con người (3 phần chính).
- 3- Màu sắc (những màu chính), hương vị (chính).
- 4- Động từ thông thường hàng ngày.
- 5- Một số trái cây thông thường.
- 6- Các loại động vật các em thường thấy trong cuộc sống.

##### **C-Từ đồng nghĩa và phản nghĩa:**

1-Đồng nghĩa: 3 từ đơn.

2-Phản nghĩa: 3 từ đơn.

##### **D-Học thuộc lòng:**

Học thuộc một bài thơ ngắn và hiểu nghĩa.

##### **E-Điền các câu với những từ cho sẵn:**

Chỉ điền khoảng 3 từ trong một đoạn văn ngắn.

#### **II-LỊCH SỬ:**

Con Rồng Cháu Tiên.

#### **III-ĐỊA LÝ:**

Hình Thở nước Việt Nam, các nước giáp giới. Bản Đồ nước Việt Nam với các nước giáp giới.

# GIẢI KHUYẾN-HỌC KỲ XXVI-2014

## TÀI LIỆU HỌC THI

### TIỂU HỌC 1

#### I. VĂN:

##### A. Tục ngữ, ca dao:

###### 1. Tục ngữ:

- Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.
- Trọng thầy mới được làm thầy.

##### Câu hỏi gợi ý:

Câu tục ngữ “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây” khuyên chúng ta nên làm gì?

###### 2. Ca dao:

- a. Một cây làm chẳng nên non,  
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.
- b. Công cha như núi Thái Sơn,  
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

##### Câu hỏi gợi ý:

1. Câu ca dao nào nói đến công cha, nghĩa mẹ?
2. Câu ca dao nào khuyên chúng ta nên đoàn kết để tạo sức mạnh và thành công?

##### B. Ngữ vựng:

###### 1. Gia đình

- a. Ông, bà (nội, ngoại).
  - b. Ba (bố, cha), má (mẹ), anh, chị, em, con.
1. Ông bà nội có liên hệ gì với ba?
  2. Má còn được gọi là gì?

###### 2. Cơ thể con người : đầu, mình, tay chân

###### a. Đầu :

Sọ, tóc, trán, mặt, cổ, tai, gáy (ót).

##### Câu hỏi gợi ý:

1. Tóc nằm ở đâu?
2. Cổ có nằm gần trán không?

###### b. Thân mình:

Vai, lưng, ngực, bụng.

##### Câu hỏi gợi ý:

1. Lưng ở phía sau hay trước của người?
2. Sắp theo thứ tự từ trên xuống dưới: “ngực, vai, bụng”.

###### c. Tay chân:

- Tay, cánh tay, khuỷu tay (cùi chỏ), bàn tay.
- Chân, đùi (bắp đùi), đầu gối, ống chân, bàn chân.

**Câu hỏi gợi ý:**

1. Em dùng cái gì để cắm đũa ăn cơm?
2. Khi đi trên đất, phần nào của chân chạm với mặt đất?

**3. Màu sắc, hương vị:**

**a. Màu sắc:**

Trắng, đen, đỏ, vàng, xanh.

**Câu hỏi gợi ý:**

- 1-Em thường viết bài trên giấy màu gì?
- 2- Lá cây thường màu gì?

**b. Hương, vị:**

- Thơm, thú vị (thối). cay, đắng, ngọt, chua, mặn.

**Câu hỏi gợi ý:**

- 1- Hoa thường có mùi gì?
- 2- Ớt có vị gì?

**4. Động từ thông dụng:**

**a. Động từ thích hợp cho mỗi nghề, mỗi việc:**

- Dược sĩ : bán thuốc, chế thuốc.
- Nha sĩ : nhổ răng, trám răng.
- Bác sĩ : khám bệnh, chữa bệnh.
- Thầy, cô giáo: dạy học, giảng bài, soạn bài, chấm điểm.

**Câu hỏi gợi ý:**

Chọn từ ngữ thích hợp để điền vào chỗ trống của câu:

1. ----- trám răng cho em.
2. ----- đang soạn bài.

**b. Động từ thích hợp cho mỗi loài:**

- Chó : sữa, cắn.
- Mèo : bắt chuột, cào.
- Muỗi : chích.

**Câu hỏi gợi ý:**

Chọn từ ngữ thích hợp để điền vào chỗ trống của câu:

- 1- Mèo thường ..... chuột.
- 2- Chó thường hay ..... khi thấy người lạ.

**c. Động từ thông thường hằng ngày:**

- Chạy, nhảy, đi, đứng, ngồi.
- Nói, đọc, viết, vẽ, học bài, làm bài...
- Ăn, uống, tắm, rửa.

**Câu hỏi gợi ý:**

Chọn từ ngữ thích hợp để điền vào chỗ trống của câu:

1. Em ..... bài mỗi ngày.
2. Mỗi ngày em đều ..... cho sạch sẽ.

**5. Tên một số trái cây thông thường**

**a. Các loại trái cây:**

- Cam, nho, táo, chuối, lê, đào, dưa hấu, xoài.

**Câu hỏi gợi ý:**

1. Cho biết trái cam khi chín, có màu gì?
2. Cho biết trái xoài có hạt không?

**6. Các loại động vật :**

- Gia súc: chó, mèo, heo.
- Gia cầm: gà, vịt.
- Vài loại côn trùng thường gặp: kiến, bướm, nhện.
- Thú rừng: sư tử, cọp (hồ), voi, gấu, nai, sóc.

**Câu hỏi gợi ý:**

- 1- Chó có mấy chân?
- 2- Gà có mấy cánh?
- 3- Bướm có cánh không?
- 4- Em có sợ nhện không? Tại sao ?
- 5- Sóc có gì đặc biệt?

**C. Từ đồng nghĩa, phản nghĩa:**

**1. Đồng nghĩa:**

- Nhỏ = bé.
- Gày = ốm.
- chật = hẹp.

**2. Phản nghĩa:**

- Đóng / mở.
- Chìm / nổi.
- Nóng / lạnh.

**D. Học thuộc lòng:**

**1. Nhà Tí.**

Nhà Tí có ông bà,  
Chú, bác cùng mẹ cha.  
Cô, dì và cậu, mợ,  
Anh em họ gần xa.  
Bà Tí giờ đã già,  
Bà bế bé ở nhà.  
Tí quý bà Tí quá,  
Như là quý mẹ cha.

(Bảo Vân – Bùi Văn Bảo)

**Câu hỏi gợi ý:**

1. Nhà Tí có ai?
2. Ai là tác giả bài này?

**E- Điền các câu với những từ cho sẵn :**

**Câu hỏi gợi ý:**

Điền các từ *Ba, má, dạy học* vào các chỗ trống trong câu: .

.....em đi làm xa. .... em là cô giáo. Má em.... .... gần nhà. Má đưa đón em tới trường mỗi ngày.

## **II. LỊCH SỬ:**

### **Con Rồng Cháu Tiên:**

Theo tục truyền thì vua Đế Minh, cháu 3 đời vua Thần Nông, đi tuần ở miền núi Ngũ Lĩnh gặp nàng Vụ Tiên lấy nhau sinh ra Lộc Tục hiệu là Kinh Dương Vương.

Một hôm, Kinh Dương Vương dạo chơi trên hồ Động Đình gặp nàng Long Nữ, hai người lấy nhau và sinh ra Sùng Lãm hiệu là Lạc Long Quân. Lạc Long Quân lấy bà Âu Cơ sinh ra một bọc có 100 trứng, nở ra 100 người con. Vì Lạc Long Quân thích ở vùng biển, còn bà Âu Cơ thích ở vùng núi, cho nên một hôm Lạc Long Quân gọi bà Âu Cơ lại bảo rằng: “Ta là giống Rồng, còn nàng là giống Tiên, chúng ta ăn ở với nhau lâu dài không được. Nay ta chia cho nàng 50 đứa đem lên núi, còn 50 đứa sẽ theo ta xuống biển.”

Sau khi chia tay, Lạc Long Quân phong cho người con trưởng làm vua nước ta tức là vua Hùng Vương thứ nhất, đặt tên nước là Văn Lang, đóng đô ở Phong Châu (nay thuộc tỉnh Vĩnh Phú) và truyền được 18 đời. Qua sự tích này, người Việt tự hào là con Rồng cháu Tiên và hàng năm cứ đến ngày 10 tháng 3 âm lịch là ngày lễ giỗ tổ Hùng Vương.

### **Câu hỏi gợi ý:**

1. Khi chia tay với Âu Cơ, bao nhiêu người con đi theo Lạc Long Quân?
2. Tên đầu tiên của nước ta gọi là gì? Đóng đô ở đâu?

## **III. ĐỊA LÝ**

### **1. Hình thể nước Việt Nam, các nước giáp giới.**

Nước Việt Nam thuộc vùng Đông Nam Châu Á, hình thể cong như chữ S trải dài từ ải Nam Quan đến Mũi Cà Mau. Phía Bắc giáp nước Trung Hoa, phía Tây giáp nước Ai Lao và Cam Bốt, phía Đông giáp Biển Đông thuộc Thái Bình Dương và phía Nam giáp vịnh Thái Lan. Nước Việt Nam chia làm 3 miền: miền Bắc, miền Trung và miền Nam.

### **2. Bản Đồ Việt Nam với các dữ kiện:**

- a. Nước Việt Nam trong khu vực Đông Nam Á.
- b. Các lân bang, Biển Đông, Vịnh Thái Lan.
- c. Hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

### **Câu hỏi gợi ý:**

1. Nước Việt Nam thuộc vùng nào của Châu Á?
2. Hình chữ gì?
3. Phía Đông và Nam giáp vùng nào?

### **Tài Liệu Tham Khảo:**

1. Quốc Sử Việt Nam – Phạm Văn Trọng và Huỳnh Văn Đô.
2. Việt Sử Toàn Thư từ Thượng Cổ đến Hiện Đại – Phạm Văn Sơn.
3. Địa Lý Việt Nam – Nguyễn Khắc Ngữ và Phạm Đình Tiếu.
4. Thi Ca Bình Dân – nhà Xuất Bản Xuân Thu.